

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC VÀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

I. KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TOÁN, KHỐI LỚP 10

(Năm học 2023 - 2024)

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 04; **Số học sinh:** 151; **Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):** 35

1.2. Tình hình đội ngũ: **Số giáo viên:** 03; **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng: 0 Đại học: 03.; Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ¹: Tốt: 03 Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0.

1.3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng trong các tiết dạy; yêu cầu nhà trường/bộ phận thiết bị chủ động cho tổ chuyên môn; đặc biệt các đồ dùng dạy học dùng cho việc đổi mới phương pháp dạy học)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Mô hình thiết diện ba đượ côníc	2 cái	- Hàm số bậc hai - Phương trình đường tròn, đường elip	
2	Mô hình góc và cung lượng giác	2 bộ	Các bài liên quan đến Lượng giác	
3	Bộ thước vẽ bảng: thước và compa	1 bộ	- Đường tròn; đường tròn lượng giác	Thước kẻ dùng cho tất cả các bài/chủ đề.

1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng học	10	Toàn trường, dạy học	
2	Phòng tin	02	Toàn trường, vẽ hình đơn giản với phần mềm Geogebra	
3	Sân chơi	01	Hoạt động trải nghiệm hình học	

¹ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

2. Kế hoạch dạy học²

2.1. Phân phối chương trình

Cả năm 35 tuần: 105 tiết	Học kỳ I: 18 tuần x 3 tiết = 54 tiết	Học kỳ II: 17 tuần x 3 tiết = 51 tiết
Chuyên đề lựa chọn: 35 tiết/năm học	HK1: Tuần 7 – 14: 8 tuần x 2 tiết = 16 tiết	HK2: Tuần 25 – 33: 9 tuần x 2 tiết = 18 tiết Tuần 34: 1 tuần x 1 tiết = 1 tiết

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
HỌC KỲ I (54 tiết) 18 tuần x 3 tiết = 54 tiết.			
Chương I. MỆNH ĐỀ - TẬP HỢP (9 tiết)			
1	Bài 1: Mệnh đề	4 tiết	- Thiết lập và phát biểu được các mệnh đề toán học, bao gồm: mệnh đề phủ định; mệnh đề đảo; mệnh đề tương đương; mệnh đề có chứa kí hiệu $\forall$, $\exists$; điều kiện cần, điều kiện đủ, điều kiện cần và đủ. - Xác định được tính đúng/sai của một mệnh đề toán học trong những trường hợp đơn giản.
2	Bài 2. Tập hợp và các phép toán trên tập hợp	4 tiết	- Nhận biết được các khái niệm cơ bản về tập hợp (tập con, hai tập hợp bằng nhau, tập rỗng) và biết sử dụng các kí hiệu $\subset$, $\supset$, $\emptyset$. - Thực hiện được phép toán trên các tập hợp (hợp, giao, hiệu của hai tập hợp, phần bù của một tập con) và biết dùng biểu đồ Ven để biểu diễn chúng trong những trường hợp cụ thể. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với phép toán trên tập hợp (ví dụ: những bài toán liên quan đến đếm số phần tử của hợp các tập hợp,...).
3	Ôn tập chương I	1 tiết	- Hệ thống kiến thức chương I

² Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn

Chương II. BẤT PHƯƠNG TRÌNH, HỆ BẤT PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT HAI ẨN (6 tiết)			
4	Bài 3. Bất phương trình bậc nhất hai ẩn	2 tiết	- Nhận biết được bất phương trình bậc nhất hai ẩn. - Biểu diễn được miền nghiệm của bất phương trình bậc nhất hai ẩn trên mặt phẳng tọa độ. - Vận dụng được kiến thức về bất phương trình bậc nhất hai ẩn vào giải quyết bài toán thực tiễn.
5	Bài 4. Hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn	3 tiết	- Nhận biết được hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn. - Biểu diễn được miền nghiệm của hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn trên mặt phẳng tọa độ. - Vận dụng được kiến thức hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn vào giải quyết bài toán thực tiễn (Ví dụ: bài toán tìm cực trị của biểu thức $F = ax + by$ trên một miền đa giác,...).
6	Bài tập cuối chương II	1 tiết	- Hệ thống kiến thức chương II
Chương III. HỆ THỨC LƯỢNG TRONG TAM GIÁC (7 tiết)			
7	Bài 5. Giá trị lượng giác của một góc từ 0° đến 180°	2 tiết	- Nhận biết được giá trị lượng giác của một góc từ 0° đến 180° - Tính được giá trị lượng giác (đúng hoặc gần đúng) của một góc từ 0° đến 180° bằng máy tính cầm tay. - Giải thích được hệ thức liên hệ giữa giá trị lượng giác của các góc phụ nhau, bù nhau. - Vận dụng giải một số bài toán có nội dung thực tiễn.
8	Bài 6. Hệ thức lượng trong tam giác	4 tiết	- Giải thích được các hệ thức lượng cơ bản trong tam giác: định lý cosin, định lý sin, công thức tính diện tích tam giác. - Mô tả được cách giải tam giác và vận dụng được vào việc giải một số bài toán có nội dung thực tiễn (ví dụ: xác định khoảng cách giữa hai địa điểm khi gặp vật cản, xác định chiều cao của vật khi không thể đo trực tiếp,...).
9	Bài tập cuối chương III	1 tiết	- Hệ thống kiến thức chương III
10	Ôn tập giữa HKI	2 tiết	- Hệ thống kiến thức trong 3 chương: I, II và III
11	Kiểm tra giữa HKI	1 tiết	
Chương IV. VECTO VÀ CÁC PHÉP TOÁN (13 tiết)			
12	Bài 7. Các khái niệm mở đầu	2 tiết	- Nhận biết được khái niệm vectơ, vectơ bằng nhau, vectơ-không. - Biểu thị được một số đại lượng trong thực tiễn bằng vectơ.
13	Bài 8. Tổng và hiệu của hai vectơ	2 tiết	- Thực hiện được các phép toán tổng và hiệu hai vectơ. - Mô tả được trung điểm của đoạn thẳng, trọng tâm tam giác bằng vectơ.

			- Vận dụng vector trong bài toán tổng hợp lực, tổng hợp vận tốc.
14	Bài 9. Tích của một vector với một số	2 tiết	- Thực hiện được phép toán trên vector (tích của một số với vector) và mô tả được các tính chất hình học (ba điểm thẳng hàng, trung điểm của đoạn thẳng, trọng tâm của tam giác,...) bằng vector. - Sử dụng được vector và các phép toán trên vector để giải thích một số hiện tượng có liên quan đến Vật lý và Hoá học (ví dụ: những vấn đề liên quan đến lực, đến chuyển động,...). - Vận dụng được kiến thức về vector để giải một số bài toán hình học và một số bài toán liên quan đến thực tiễn (ví dụ: xác định lực tác dụng lên vật,...).
15	Bài 10. Vector trong mặt phẳng toạ độ	3 tiết	- Nhận biết được toạ độ của vector đối với một hệ trục toạ độ. - Tìm được toạ độ của một vector, độ dài của một vector khi biết toạ độ hai đầu mút của nó. - Sử dụng được biểu thức toạ độ của các phép toán vector trong tính toán. - Vận dụng được kiến thức về toạ độ của vector để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn (ví dụ: vị trí của vật trên mặt phẳng toạ độ,...).
16	Bài 11. Tích vô hướng của hai vector	3 tiết	- Tính góc, tích vô hướng của hai vector trong những trường hợp cụ thể. - Công thức toạ độ của tích vô hướng, tính chất của tích vô hướng. - Vận dụng được phương pháp toạ độ vào bài toán giải tam giác. - Liên hệ khái niệm tích vô hướng với khái niệm công trong Vật lý.
17	Bài tập cuối chương IV	1 tiết	- Hệ thống kiến thức chương IV
Chương V. CÁC SỐ ĐẶC TRƯNG CỦA MẪU SỐ LIỆU KHÔNG GHEP NHÓM (7 tiết)			
18	Bài 12. Số gần đúng và sai số	2 tiết	- Hiểu được khái niệm số gần đúng, sai số tuyệt đối. - Xác định được số gần đúng của một số với độ chính xác cho trước. - Xác định được sai số tương đối của số gần đúng. - Xác định được số quy tròn của số gần đúng với độ chính xác cho trước. - Biết sử dụng máy tính cầm tay để tính toán với các số gần đúng.
19	Bài 13. Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm	2 tiết	- Tính được số đặc trưng đo xu thế trung tâm cho mẫu số liệu không ghép nhóm: số trung bình cộng (hay số trung bình), trung vị (<i>median</i>), tứ phân vị (<i>quartiles</i>), môđ (<i>mode</i>). - Giải thích được ý nghĩa và vai trò của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong thực tiễn. - Chỉ ra được những kết luận nhờ ý nghĩa của số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong trường hợp đơn giản.

20	Bài 14. Các số đặc trưng đo độ phân tán	2 tiết	- Tính được số đặc trưng đo mức độ phân tán cho mẫu số liệu không ghép nhóm: khoảng biến thiên, khoảng tứ phân vị, phương sai, độ lệch chuẩn. - Giải thích được ý nghĩa và vai trò của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong thực tiễn. - Chỉ ra được những kết luận nhờ ý nghĩa của số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong trường hợp đơn giản. - Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức của các môn học trong Chương trình lớp 10 và trong thực tiễn.
21	Bài tập cuối chương V	1 tiết	- Hệ thống kiến thức chương V
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM THỰC HÀNH (4 tiết)			
22	Tìm hiểu một số kiến thức về tài chính	2 tiết	
23	Mạng xã hội: Lợi và hại	2 tiết	
24	Ôn tập cuối HKI	4 tiết	
25	Kiểm tra cuối HKI	1 tiết	
HỌC KỲ II (51 tiết) <i>17 tuần x 3 tiết = 51 tiết</i>			
Chương VI. HÀM SỐ VÀ ĐỒ THỊ (13 tiết)			
26	Bài 15. Hàm số	4 tiết	- Nhận biết được những mô hình thực tế (dạng bảng, biểu đồ, công thức) dẫn đến khái niệm hàm số. - Mô tả được các khái niệm cơ bản về hàm số: định nghĩa hàm số, tập xác định, tập giá trị, hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến, đồ thị của hàm số. - Mô tả được các đặc trưng hình học của đồ thị hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến. - Vận dụng được kiến thức của hàm số vào giải quyết bài toán thực tiễn (ví dụ: xây dựng hàm số bậc nhất trên những khoảng khác nhau để tính số tiền y (phải trả) theo số phút gọi x đối với một gói cước điện thoại,...).
27	Bài 16. Hàm số bậc hai	3 tiết	- Thiết lập được bảng giá trị của hàm số bậc hai. - Vẽ được parabol (parabola) là đồ thị của hàm số bậc hai. - Nhận biết được các yếu tố cơ bản của đường parabol như đỉnh, trục đối xứng. - Nhận biết và giải thích được các tính chất của hàm số bậc hai thông qua đồ thị. - Vận dụng được kiến thức về hàm số bậc hai và đồ thị vào giải quyết bài toán thực

			tiền (ví dụ: xác định độ cao của cầu, công có hình dạng Parabola,...).
28	Bài 17. Dấu của tam thức bậc hai	3 tiết	- Giải thích được định lý về dấu của tam thức bậc hai từ việc quan sát đồ thị của hàm bậc hai. - Giải được bất phương trình bậc hai. - Vận dụng được bất phương trình bậc hai một ẩn vào giải quyết bài toán thực tiễn (Ví dụ: xác định chiều cao tối đa để xe có thể qua hầm có hình dạng Parabola,...).
29	Bài 18. Phương trình quy về phương trình bậc hai	2 tiết	Giải phương trình chứa căn thức có dạng: $\sqrt{ax^2 + bx + c} = \sqrt{dx^2 + ex + f}; \sqrt{ax^2 + bx + c} = dx + e$
30	Bài tập cuối chương VI	1 tiết	- Hệ thống kiến thức chương VI
Chương VII: PHƯƠNG PHÁP TỌA ĐỘ TRONG MẶT PHẪNG (12 tiết)			
31	Bài 19. Phương trình đường thẳng	2 tiết	- Mô tả được phương trình tổng quát và phương trình tham số của đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ. - Thiết lập được phương trình của đường thẳng trong mặt phẳng khi biết: một điểm và một vectơ pháp tuyến; biết một điểm và một vectơ chỉ phương; biết hai điểm. - Giải thích được mối liên hệ giữa đồ thị hàm số bậc nhất và đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ. - Vận dụng kiến thức về phương trình đường thẳng để giải một số bài toán có liên quan đến thực tiễn.
32	Bài 20. Vị trí tương đối giữa hai đường thẳng. Góc và khoảng cách	3 tiết	- Nhận biết được hai đường thẳng cắt nhau, song song, trùng nhau, vuông góc với nhau bằng phương pháp tọa độ. - Thiết lập được công thức tính góc giữa hai đường thẳng. - Tính được khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng bằng phương pháp tọa độ. - Vận dụng các công thức tính góc và khoảng cách để giải một số bài toán có liên quan đến thực tiễn.
33	Bài 21. Đường tròn trong mặt phẳng tọa độ	2 tiết	- Thiết lập được phương trình đường tròn khi biết tọa độ tâm và bán kính; biết tọa độ ba điểm mà đường tròn đi qua; xác định được tâm và bán kính đường tròn khi biết phương trình của đường tròn. - Thiết lập được phương trình tiếp tuyến của đường tròn khi biết tọa độ của tiếp điểm.

			- Vận dụng được kiến thức về phương trình đường tròn để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn (Ví dụ: bài toán về chuyển động tròn trong Vật lí,...).
34	Bài 22. Ba đường conic	4 tiết	- Nhận biết được ba đường conic bằng hình học. - Nhận biết được phương trình chính tắc của ba đường conic trong mặt phẳng tọa độ. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với ba đường conic (Ví dụ: giải thích một số hiện tượng trong Quang học,...).
35	Bài tập cuối chương VII	1 tiết	- Hệ thống kiến thức chương VII
36	Ôn tập giữa kì II	2 tiết	- Hệ thống kiến thức ở các chương VI và VII
37	Kiểm tra giữa kì II	1 tiết	
Chương VIII. ĐẠI SỐ TỔ HỢP (11 tiết)			
38	Bài 23. Quy tắc đếm	4 tiết	- Vận dụng được quy tắc cộng và quy tắc nhân trong một số tình huống đơn giản (Ví dụ: đếm số khả năng xuất hiện mặt sấp/ngửa khi tung một số đồng xu,...). - Vận dụng được sơ đồ hình cây trong các bài toán đếm đơn giản các đối tượng trong Toán học, trong các môn học khác cũng như trong thực tiễn (Ví dụ: đếm số hợp tử tạo thành trong Sinh học, hoặc đếm số trận đấu trong một giải thể thao,...).
39	Bài 24. Hoán vị, chỉnh hợp và tổ hợp	4 tiết	- Tính được số hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp. - Tính được số hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp bằng máy tính cầm tay.
40	Bài 25. Nhị thức Newton	2 tiết	Khai triển nhị thức Newton $(a+b)^n$ với số mũ thấp ($n=4$ hoặc $n=5$) bằng cách vận dụng tổ hợp.
41	Bài tập cuối chương VIII	1 tiết	- Hệ thống kiến thức chương VIII
Chương IX. TÍNH XÁC SUẤT THEO ĐỊNH NGHĨA CỔ ĐIỂN (6 tiết)			
42	Bài 26. Biến cố và định nghĩa cổ điển của xác suất	2 tiết	- Nhận biết được một số khái niệm về xác suất cổ điển: phép thử ngẫu nhiên; không gian mẫu; biến cố (biến cố là tập con của không gian mẫu); biến cố đối; định nghĩa cổ điển của xác suất; nguyên lí xác suất bé. - Mô tả được không gian mẫu, biến cố trong một số thí nghiệm đơn giản (Ví dụ: tung đồng xu hai lần, tung đồng xu ba lần, tung xúc xắc hai lần). - Mô tả tính chất cơ bản của xác suất.
43	Bài 27. Thực hành tính xác suất theo định nghĩa cổ điển	3 tiết	- Tính được xác suất của biến cố trong một số bài toán đơn giản bằng phương pháp tổ hợp (trường hợp xác suất phân bố đều). - Tính được xác suất trong một số thí nghiệm lặp bằng cách sử dụng sơ đồ hình cây (Ví dụ: tung xúc xắc hai lần, tính xác suất để tổng số chấm xuất hiện trong hai lần

			tung bằng 7). - Năm và vận dụng quy tắc tính xác suất của biến cố đối.
44	Bài tập cuối chương IX	1 tiết	- Hệ thống kiến thức chương IX
HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM (3 tiết)			
45	Một số nội dung cho hoạt động trải nghiệm hình học	2 tiết	
46	Ước tính số các thể trong một quần thể	1 tiết	
47	Ôn tập cuối HK2	2 tiết	Hệ thống các kiến thức trong các chương : VI,VII,VIII và IX
48	Kiểm tra cuối HK2	1 tiết	

2.2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
Chuyên đề 1: Hệ phương trình bậc nhất ba ẩn (11 tiết)			
1	Bài 1. Hệ phương trình bậc nhất ba ẩn	5 tiết	- Nhận biết được khái niệm nghiệm của hệ phương trình bậc nhất ba ẩn. - Giải được hệ phương trình bậc nhất ba ẩn bằng phương pháp Gauss. - Tìm được nghiệm hệ phương trình bậc nhất ba ẩn bằng máy tính cầm tay.
2	Bài 2. Ứng dụng của hệ phương trình bậc nhất ba ẩn	4 tiết	- Vận dụng được cách giải hệ phương trình bậc nhất ba ẩn vào giải quyết một số bài toán Vật lý (tính điện trở, tính cường độ dòng điện trong dòng điện không đổi,...), Hoá học (cân bằng phản ứng,...), Sinh học (bài tập nguyên phân, giảm phân,...). - Vận dụng cách giải hệ phương trình bậc nhất ba ẩn để giải quyết một số vấn đề thực tiễn cuộc sống (ví dụ: bài toán lập kế hoạch sản xuất, mô hình cân bằng thị trường, phân bổ vốn đầu tư,...).
3	Bài tập cuối chuyên đề 1	2 tiết	
Chuyên đề 2: Phương pháp quy nạp toán học. Nhị thức newton (10 tiết)			
4	Bài 3. Phương pháp quy nạp toán học	4 tiết	- Mô tả được các bước chứng minh tính đúng đắn của một mệnh đề toán học bằng phương pháp quy nạp toán học. - Chứng minh được tính đúng đắn của một mệnh đề toán học bằng phương pháp quy nạp toán học. - Vận dụng được phương pháp quy nạp toán học để giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

5	Bài 4. Nhị thức Newton	5 tiết	- Xác định được các hệ số trong khai triển nhị thức Newton thông qua tam giác Pascal. - Khai triển được nhị thức Newton $(a+b)^n$ bằng cách vận dụng tổ hợp. - Xác định được hệ số của x^k trong khai triển $(ax+b)^n$ thành đa thức.
6	Bài tập cuối chuyên đề 2	1 tiết	
Chuyên đề 3: Ba đường conic và ứng dụng (11 tiết)			
7	Bài 5. Elip	3 tiết	- Xác định được các yếu tố đặc trưng của elip (ellipse) khi biết phương trình chính tắc. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với elip.
8	Bài 6. Hypebol	3 tiết	- Xác định được các yếu tố đặc trưng của đường hypebol (hyperbola) khi biết phương trình chính tắc của nó. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với đường hypebol.
9	Bài 7. Parabol	2 tiết	- Xác định được các yếu tố đặc trưng của đường parabol (parabola) khi biết phương trình chính tắc của nó. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với đường parabol.
10	Bài 8. Sự thống nhất giữa ba đường conic	2 tiết	- Nhận biết được đường conic như là giao của mặt phẳng với mặt nón. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với ba đường conic.
11	Bài tập cuối chuyên đề 3	1 tiết	
12	Ôn tập và kiểm tra	3 tiết	

2.3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	60 phút	Tuần 9	Đáp ứng yêu cầu cần đạt chủ đề 1, 2, 3	- Kết hợp tự luận và trắc nghiệm trên giấy - Tổ chức thi theo lịch chung
Cuối Học kỳ 1	60 phút	Tuần 18	Đáp ứng yêu cầu cần đạt chủ đề 2, 3, 4, 5	- Kết hợp tự luận và trắc nghiệm trên giấy - Tổ chức thi theo lịch chung
Giữa Học kỳ 2	60 phút	Tuần 27	Đáp ứng yêu cầu cần đạt chủ đề 6, 7	- Kết hợp tự luận và trắc nghiệm trên giấy - Tổ chức thi theo lịch chung
Cuối Học kỳ 2	60 phút	Tuần 35	Đáp ứng yêu cầu cần đạt chủ đề 7, 8, 9	- Kết hợp tự luận và trắc nghiệm trên giấy - Tổ chức thi theo lịch chung

3. Các nội dung khác (nếu có): (Thể hiện trong kế hoạch năm học của tổ)

- Sinh hoạt tổ/nhóm bộ môn 02 lần/tháng.
- Sinh hoạt cụm chuyên môn gồm các trường THPT trên địa bàn các huyện Nam Giang, Tây Giang, Đông Giang, Đại Lộc.
- Sinh hoạt bàn giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục bộ môn trên địa bàn toàn tỉnh cấp THPT.
- Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học ít nhất 2 lần/ 1 học kì.

II. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Năm học 2023 - 2024)

Khối lớp: 10; Số học sinh: 145.

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1	Đồ vui để học	- Kiến thức: Biết được các kiến thức KHTN, KHXH; kiến thức thực tiễn trong đời sống. - Kỹ năng: Tổ chức hoạt động nhóm; khả năng thực hiện các thí nghiệm thực hành; biểu diễn... - Phẩm chất: Yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trung thực; trách nhiệm. - Năng lực: +) Năng lực chung: Tự chủ và tự học; Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác; Giải quyết vấn đề theo nhiều cách khác nhau một cách sáng tạo và triệt để. +) Năng lực chuyên môn: Ngôn ngữ; Tính toán; Tin học; Thể chất; Thẩm mỹ; Công nghệ;	3	Tháng 11, 3	Sân trường	Tổ chuyên môn	Đoàn trường	Khi học sinh không chính khóa

		Tìm hiểu tự nhiên và xã hội						
2	Thiết kế đồ dùng học tập	- Kỹ năng: Làm được các thiết bị dạy học theo yêu cầu. - Phẩm chất: Chăm chỉ; trung thực; trách nhiệm. - Năng lực: Tự chủ và tự học; Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác; Giải quyết vấn đề theo nhiều cách khác nhau một cách sáng tạo và triệt để; Ngôn ngữ; Tính toán; Tin học; Thể chất; Thẩm mỹ; Công nghệ; Tìm hiểu tự nhiên và xã hội.	5	Tháng 10	Tại trường	Tổ chuyên môn	Nhà trường	- Khi học sinh không học chính khóa - Dụng cụ đo đạc

TỔ TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Hữu Nhân

Đông Giang, ngày 05 tháng 09 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)





Trần Văn Nghĩa

Walt Whitman